TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 14-6-2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Đào Văn Nô;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa*: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-5-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25-5-2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: 35/60/1 Nguyễn Văn Quỳ, tổ 3, khu phố 1, Phường Đ, Quận 7, Thành phố H; tạm trú: Tổ 10, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Đào Sỹ D, sinh năm 1980; địa chỉ: 35/60/1 Nguyễn Văn Quỳ, tổ 3, khu phố 1, Phường Đ, Quận 7, Thành phố H; tạm trú: Tổ 10, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 1 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày: Bà Lê Thị N và ông Đào Sỹ D tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân. Ông bà đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Đ, Quận 7, Thành phố H (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 155/2003 ngày 12-12-2003).

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D thường xuyên đi uống rượu, bia và chơi cá độ đá banh, bỏ bê công việc gia đình, không quan tâm đến vợ con. Bà N đã nhiều lần khuyên ông D thay đổi để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông D không thay đổi. Bà N xác định ông bà không còn tình cảm với nhau, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị N được ly hôn với ông Đào Sỹ D.

Về con chung: Trong thời kì hôn nhân có hai con chung tên Đào Sỹ T sinh ngày 10-01-2005 và Đào Sỹ Đ, sinh ngày 01-10-2010. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị N được quyền nuôi hai con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng cho hai con đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp bản sao các tài liệu, chứng cứ sau:

- Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của bà Lê Thị N và ông Đào Sỹ D;

- Bản sao sổ hộ khẩu gia đình của ông Đào Sỹ D và Lê Thị N;

- Bản sao chứng thực Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị N;

- Bản sao Giấy khai sinh Đào Sỹ T và Đào Sỹ Đ;

- Đơn xin xác nhận tạm trú.

Bị đơn ông Đào Sỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông D vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 28-5-2018 của Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh Bình D thì ông Đào Sỹ D có đăng ký tạm trú và sinh sống tại tổ 10, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh B; về mâu thuẫn của vợ chồng thì chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

Về nội dung: Bà Lê Thị N và ông Đào Sỹ D tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Đ, Quận 7, Thành phố H (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 155/2003 ngày 12-12-2003). Bà Lê Thị N yêu cầu ly hôn vì ông D thường xuyên uống rượu và chơi cá độ đá banh, bỏ bê công việc gia đình, không quan tâm đến vợ con. Bà N đã nhiều lần khuyên ông D thay đổi để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông D không thay đổi; vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Bà N xác định ông bà không còn tình cảm với nhau, vợ chồng sống

chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị N có đơn khởi yêu cầu ly hôn với ông Đào Sỹ D nên đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Đào Sỹ D có địa chỉ tạm trú tại tổ 10, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Đào Sỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19-3-2018, ngày 10-4-2018 nhưng ông D vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ ông Đào Sỹ D tham gia phiên tòa ngày 25-5-2018 nhưng ông D vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập ông D tham gia phiên tòa vào ngày 14-6-2018 nhưng ông D vắng mặt không có lý do là ông D đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Bà Lê Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông D và bà N theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Đào Sỹ D là những người đủ điều kiện kết hôn; chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu để tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Phường Đ, Quận 7, Thành phố H (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 155/2003 ngày 12-12-2003) đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Do tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông Đào Sỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy ông D hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình. Xét mâu thuẫn giữa bà Lê Thị N và ông Đào Sỹ D đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" nên bà Lê Thị N yêu cầu ly hôn với ông Đào Sỹ D là có căn cứ chấp nhận

[4]. Về con chung: Bà Lê Thị N và ông Đào Sỹ D có con chung tên Đào Sỹ T sinh ngày 10-01-2005 và Đào Sỹ Đ, sinh ngày 01-10-2010. Theo nguyện vong của cháu Đào Sỹ T và cháu Đào Sỹ Đ muốn được sống chung với mẹ. Bà Lê Thị N tự nguyện yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Tuyên và cháu đạt là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn "*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"* và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Bà Lê Thị N yêu cầu ông Đào Sỹ D cấp dưỡng nuôi hai con với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn "*2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"* nên yêu cầu của bà N là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[8]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc ly hôn với ông Đào Sỹ D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Đào Sỹ D.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Đào Sỹ T sinh ngày 10-01-2005 và Đào Sỹ Đ, sinh ngày 01-10-2010 cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông Đào Sỹ D cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013286, ngày 25-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Về án phí cấp dưỡng định kỳ: Ông Đào Sỹ D phải nộp 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình D;
- VKSND tỉnh Bình D;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THA dân sự thị xã T;
- UBND phường T;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm